

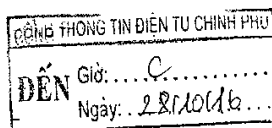
TTĐT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 2026 /QĐ - TTg

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2016



QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp Bằng Tổ quốc ghi công

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi Người có công với cách mạng của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 26/2005/PL-UBTVQH ngày 29 tháng 6 năm 2005 và Pháp lệnh Ưu đãi Người có công với cách mạng được sửa đổi, bổ sung của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 04/2012/UBTVQH ngày 16 tháng 7 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi Người có công với cách mạng;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 76/TTr-LĐTBXH ngày 17 tháng 10 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

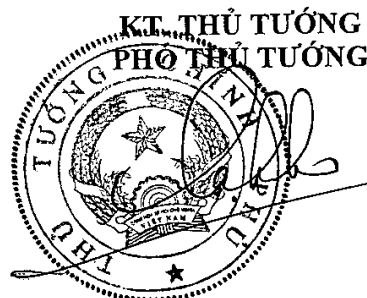
Điều 1. Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” cho 47 liệt sĩ thuộc Bộ Quốc phòng và 11 tỉnh: Bình Thuận, Cà Mau, Đồng Nai, Hà Nam, Hà Tĩnh, Nam Định, Ninh Bình, Nghệ An, Thanh Hóa, Thừa Thiên Huế, Vĩnh Long (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Bộ LĐ - TB&XH;
- VPCP: BTCN, PCN Nguyễn Sỹ Hiệp, TGD Công TTĐT;
- Lưu: Văn thư, TCCV (3b), Hùng 10 b.



Trương Hòa Bình



DANH SÁCH

LIỆT SĨ ĐƯỢC CẤP BẰNG "TỔ QUỐC GHI CÔNG"

(Kèm theo Quyết định số: 2026 /QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2016
của Thủ tướng Chính phủ)

BỘ QUỐC PHÒNG

1. Liệt sĩ: Bùi Văn Cừ

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Quang Trung, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 7 năm 1967.

TỈNH BÌNH THUẬN

2. Liệt sĩ: Trần Thị Năm

Y sĩ, nguyên quán: xã Tân Thành, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 11 năm 1974.

TỈNH CÀ MAU

3. Liệt sĩ: Đoàn Văn Hằng*

Xã đoàn ủy viên, nguyên quán: xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1963.

TỈNH ĐỒNG NAI

4. Liệt sĩ: Nguyễn Thành Công

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Phong Nẫm, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 7 năm 1948.

5. Liệt sĩ: Đào Thị Ứng

Cán bộ phụ nữ xã, nguyên quán: huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 7 năm 1948.

6. Liệt sĩ: Mạc Văn Ảnh

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Quế Phong, huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 12 năm 1973.

TỈNH HÀ NAM

7. Liệt sĩ: Nguyễn Phúc Ánh

Thương binh $\frac{2}{4}$ (tỷ lệ 61%), nguyên quán: xã Duy Minh, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 12 tháng 02 năm 2014.

TỈNH HÀ TĨNH

8. Liệt sĩ: Trần Hữu Tam

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Thạch Môn, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 18 tháng 11 năm 2015.

TỈNH NAM ĐỊNH

9. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Tý

Công an xã, nguyên quán: xã Hải Phúc, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 30 tháng 6 năm 2014.

TỈNH NINH BÌNH

10. Liệt sĩ: Đinh Tấn Quyền

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 85%), nguyên quán: xã Gia Vượng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 24 tháng 3 năm 2016.

TỈNH NGHỆ AN

11. Liệt sĩ: Đinh Bạt Cầm

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 91%), nguyên quán: xã Nghi Lâm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 01 tháng 8 năm 2013.

12. Liệt sĩ: Vũ Công Chính

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Nhân Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 02 tháng 02 năm 2016.

13. Liệt sĩ: Ngô Văn Ngọc

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 95%), nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 23 tháng 3 năm 2015.

TỈNH THANH HÓA

14. Liệt sĩ: Phạm Hữu Trung

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: thị trấn Quảng Xương, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 21 tháng 9 năm 2014.

15. Liệt sĩ: Cao Đại Diện

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Xuân Thiên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 18 tháng 6 năm 2015.

16. Liệt sĩ: Quách Xuân Hóa

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 28 tháng 4 năm 2015.

17. Liệt sĩ: Lê Như Bồng

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Yên Thọ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 14 tháng 10 năm 2015.

18. Liệt sĩ: Đào Công Tính

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Tượng Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 03 tháng 3 năm 2016.

19. Liệt sĩ: Lê Phú Kê

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: phường Đông Hải, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 15 tháng 02 năm 2016.

20. Liệt sĩ: Nguyễn Sỹ Quang

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Hoằng Minh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 12 tháng 10 năm 2015.

21. Liệt sĩ: Trương Khắc Tịch

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Hoằng Đông, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 30 tháng 8 năm 1998.

22. Liệt sĩ: Vũ Ngọc Soát

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Quảng Trường, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 13 tháng 4 năm 2015.

23. Liệt sĩ: Đặng Thanh Minh

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Quảng Nhân, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 09 tháng 02 năm 2016.

24. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Mão

Thương binh $\frac{1}{4}$ (tỷ lệ 81%), nguyên quán: xã Hoằng Thanh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 17 tháng 3 năm 2009.

TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

25. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Chiến*

Trung sĩ Công an nhân dân, nguyên quán: xã Phú Lương, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 6 năm 1968.

26. Liệt sĩ: Bùi Kinh*

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Lộc Tụ, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 12 năm 1949.

27. Liệt sĩ: Nguyễn Đức Thắng*

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: nông trường Cờ Đỏ, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 23 tháng 7 năm 1978.

28. Liệt sĩ: Trần Châu*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Phong Sơn, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, năm 1951.

29. Liệt sĩ: Ngô Bửu (Ngô Bửu)*

Chiến sĩ Công an nhân dân, nguyên quán: phường Phú Hòa, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 09 tháng 4 năm 1947.

30. Liệt sĩ: Huỳnh Toại*

Bí thư Nông hội xã, nguyên quán: xã Lộc Điền, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 2 năm 1954.

31. Liệt sĩ: Trần Duy Toàn*

Thiếu úy Công an nhân dân, nguyên quán: xã Thủy Thanh, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 12 năm 1953.

32. Liệt sĩ: Bạch Thùy*

Tổ trưởng sản xuất nông trường Lê Ninh, nguyên quán: xã Phú Hồ, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1966.

33. Liệt sĩ: Trần Hữu Giàu*

Tiểu đoàn phó Quân đội nhân dân Việt Nam, nguyên quán: xã Hương Toàn, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 04 tháng 9 năm 1966.

34. Liệt sĩ: Nguyễn Công*

Ủy viên ban chấp hành phụ lão xã, nguyên quán: xã Vinh Thanh, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 02 năm 1947.

35. Liệt sĩ: Hoàng Trọng Trần*

Đội viên du kích, nguyên quán: xã Vinh Phú, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 02 tháng 10 năm 1948.

36. Liệt sĩ: Trần Thị Cúc

Y tá, nguyên quán: xã Quảng Thọ, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, tháng 8 năm 1973.

TỈNH VĨNH LONG

37. Liệt sĩ: Nguyễn Minh Khanh

Phó Ban tuyên huấn huyện, nguyên quán: xã Song Phú, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 9 năm 1969.

38. Liệt sĩ: Lê Văn Hồ

Cán bộ A trưởng du kích xã, nguyên quán: xã Trung Ngãi, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1971.

39. Liệt sĩ: Huỳnh Văn Rọ

Xã đội phó, nguyên quán: xã Ngãi Tứ, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 19 tháng 6 năm 1976.

40. Liệt sĩ: Nguyễn Thị Ngọc Kim (Kiềm)

Cán bộ giao liên, nguyên quán: xã Mỹ Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 02 năm 1947.

41. Liệt sĩ: Đặng Văn Điền

Hội viên Hội tương tế, nguyên quán: xã Song Phú, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, năm 1942.

42. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Chà

Đội viên Thanh niên phản đế xã, nguyên quán: xã Trung Ngãi, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, ngày 11 tháng 6 năm 1942.

43. Liệt sĩ: Lê Văn Lợi

Hội viên Nông hội đỏ, nguyên quán: xã Hiếu Thành, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, ngày 26 tháng 10 năm 1944.

44. Liệt sĩ: Bùi Văn Khiêm

Đội trưởng đội thanh niên phản đế, nguyên quán: xã Hiếu Thành, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, ngày 08 tháng 02 năm 1942.

45. Liệt sĩ: Phạm Văn Sanh

Cán bộ cách mạng, nguyên quán: xã Trung Hiếu, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, ngày 28 tháng 12 năm 1942.

46. Liệt sĩ: Nguyễn Văn Lê (Lễ)

Cán bộ Việt minh tù chính trị, nguyên quán: xã Phú Hậu, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, ngày 24 tháng 12 năm 1942.

47. Liệt sĩ: Trương Văn Quý

Cán bộ xã, nguyên quán: xã Hậu Lộc, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, ngày 20 tháng 4 năm 1942./.

Ghi chú:

**Liệt sĩ có thân nhân đã được giải quyết chế độ trước ngày 01/01/1995. Tổng số: 12/47*